TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09.4.2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.
2. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.
- ***Thư ký phiên Tòa***: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017, về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST.HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn 9, xã T, Tp. P, tỉnh Gia Lai
* *Bị đơn*: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Trú tại: Thôn N, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.
(Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày*: Chị và anh Lê Văn Đ tổ chức lễ cưới vào năm 2005, đến năm 2007 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn H. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị ở tỉnh Gia Lai được hơn 1 năm thì chuyển về sống tại nhà mẹ chồng ở xã Nhơn Hậu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau nhiều

chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống, chủ yếu từ chuyện anh Đ thường nhậu nhẹt, không lo làm ăn. Chị nhiều lần khuyên nhưng anh Đ không nghe nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống. Sau đó anh Đ lên Gia Lai đưa hai mẹ con về chung sống nhưng sau đó tiếp tục mâu thuẫn nên chị lại về Gia Lai, được một thời gian thì về lại Bình Định. Đến tháng 10/2013, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị bỏ về sống nhà cha mẹ ruột, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Năm 2015, anh Đ lên Gia Lai dẫn con về Bình Định sống. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 người con tên Lê Anh K, sinh ngày 08.4.2007 đang sống với anh Đ. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Đến ngày 07.3.2018, chị D có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu nuôi con mà yêu cầu giao cháu K cho anh Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* *Theo biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày*: Thống nhất như lời trình bày của chị D về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh, vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013, vợ chồng lên Gia Lai mở quán bán cà phê được khoảng 02 tháng thì anh phát hiện vợ nợ rất nhiều người nên anh bỏ về sống ở Bình Định. Sau đó anh lên thăm con và rút học bạ của con về Bình Định học. Vợ chồng sống ly thân một thời gian thì anh phát hiện chị D đã có con với người khác. Nay anh xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau nên anh thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Có 01 người con tên Lê Anh K, sinh ngày 08.4.2007 đang sống với anh. Ly hôn, anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

-Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Lê Văn Đ theo điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Chấp nhận giao cháu Lê Anh K cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn Đ có địa chỉ cư trú tại Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn Đ được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh Đ.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Lê Văn Đ có thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị D anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng giữa hai anh chị lại không thể hàn gắn, giải quyết, từ đó dẫn đến việc chấm dứt cuộc sống chung, sống ly thân trong khoảng thời gian dài và cả hai anh chị không còn tình cảm với nhau. Trong quá trình làm việc chị D, anh Đ cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần tiến hành các phiên tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện hòa giải thành và thuận tình ly hôn giữa chị D, anh Đ nhưng các lần hòa giải đều vắng mặt anh Đ do đó không thể lập biên bản hòa giải thành. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị D, anh Đ thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Lê Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị D, anh Đ có 01 người con tên Lê Anh K, sinh ngày 08.4.2007 đang do anh Đ nuôi dưỡng; chị D, anh Đ cùng có yêu cầu nuôi con. Đến ngày 07.3.2018, chị D có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu nuôi cháu K mà yêu cầu giao cháu K cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị D không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Chị D thống nhất giao cháu K cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu của anh Đ và nguyện vọng của cháu K nên Hội đồng xét xử công nhận giao cháu Lê Anh K cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Lê Văn Đ.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người tên Lê Anh K, sinh ngày 08.4.2007 cho anh Đ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh Đ không yêu cầu giải quyết, không xét

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008490 ngày 22.11.2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định*
- *VKSND TX. An Nhơn*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn*
- *UBND xã Nhơn Hậu*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu án văn*